

ÔN TẬP LỚP 12

MA TRẬN

TT	Kĩ năng	Nội dung kiến thức / Đơn vị kĩ năng	Mức độ nhận thức			
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Tổng % điểm
1	Đọc	Văn chính luận của Hồ Chí Minh	2 (15%)	3 (30%)	2 (15%)	60
		Thơ Hồ Chí Minh				
		Kí (Phóng sự, Hồi kí)				
2	Viết	Viết bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (Cách ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội)	1* (15%)	1* (25%)	1* (15%)	40
Tổng			30%	40%	30%	100
Tỉ lệ chung			70%		30%	

BẢNG ĐẶC TẢ

TT	KĨ NĂNG	NỘI DUNG/ ĐƠN VỊ KĨ NĂNG	MỨC ĐỘ NHẬN THỨC		
			NHẬN BIẾT	HIỂU	VẬN DỤNG
1	Đọc hiểu	Văn chính luận Hồ Chí Minh	- Nhận biết được các yếu tố trong văn chính luận: luận đề, luận điểm, luận cứ, các thao tác nghị luận, các yếu tố bổ trợ; chỉ ra mối liên hệ của chúng; - Nhận biết các yếu tố: tự sự, biểu cảm, thuyết minh... - Nhận biết các biện pháp làm tăng tính khẳng định và phủ định trong văn bản nghị luận...	- Phân tích, đánh giá được đề tài, chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản; - Hiểu và lí giải được vai trò, tác dụng của từ ngữ, hình ảnh, biểu tượng, biện pháp tu từ; lí lẽ; bằng chứng... và mối quan hệ giữa chúng - Đánh giá được mức độ phù hợp giữa nội dung nghị luận với nhan đề của văn bản. - Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo, các giá trị nhận thức, giáo dục, thẩm mĩ trong văn bản.	- Nhận biết và phân tích được quan điểm của người viết về lịch sử, văn hóa được thể hiện trong văn bản. - Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và kiến thức văn học để nhận xét, đánh giá, phê bình văn bản văn học, thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ của cá nhân về văn bản văn học. - Phân tích, đánh giá được khả năng tác động của văn bản đối với người đọc và tiến bộ xã hội. - Thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với những vấn đề được đặt ra trong văn bản - So sánh được điểm giống và khác nhau giữa các văn bản văn học; liên tưởng mở rộng vấn đề để hiểu sâu hơn về tác phẩm.
		Thơ Hồ Chí Minh	- Nhận biết các yếu tố trong thơ trữ tình: thể thơ, nhân vật trữ	- Phân tích, đánh giá được đề tài, chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản;	- Nhận biết và phân tích được quan điểm của người viết về

			tình, từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ, đề tài, cảm hứng chủ đạo, yếu tố tượng trưng, biểu tượng... - Nhận biết được một số đặc điểm cơ bản của phong cách cổ điển. - Nhận biết các biện pháp tu từ, điển cố, các hiện tượng phá vỡ quy tắc ngôn ngữ thông thường...	- Hiểu và lí giải được vai trò, tác dụng của từ ngữ, hình ảnh, biểu tượng, biện pháp tu từ, điển cố, các hiện tượng phá vỡ quy tắc ngôn ngữ thông thường... - Phân tích, đánh giá được vẻ đẹp cổ điển và hiện đại; chất thơ và chất thép - Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo, các giá trị nhận thức, giáo dục, thẩm mĩ trong văn bản.	lịch sử, văn hóa được thể hiện trong văn bản. - Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và kiến thức văn học để nhận xét, đánh giá, phê bình văn bản văn học, thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ của cá nhân về văn bản văn học. - Phân tích, đánh giá được khả năng tác động của văn bản đối với người đọc và tiến bộ xã hội. - Thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với những vấn đề được đặt ra trong văn bản - So sánh được điểm giống và khác nhau giữa các văn bản văn học; liên tưởng mở rộng vấn đề để hiểu sâu hơn về tác phẩm.
		Phóng sự/Hồi kí	- Nhận biết được thể loại, các sự kiện, các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, người kể, ngôi kể, nhân vật... - Nhận biết các yếu tố phi hư cấu, hư cấu - Nhận biết được những dấu hiệu phân biệt phóng sự, hồi kí	- Phân tích, đánh giá được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong chỉnh thể của tác phẩm; đánh giá được vai trò của các chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản. - Phân tích, đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; - Phân tích đánh giá được tác dụng của yếu tố phi hư cấu, hư cấu và mối quan hệ giữa chúng; một số thủ pháp như miêu tả, trần thuật; sự kết hợp chi tiết, sự kiện với trải nghiệm, yếu tố chủ quan của người viết - Phân tích, đánh giá được các giá trị nhận thức, giáo dục và thẩm mĩ của các tác phẩm; phát hiện được các giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh từ văn bản.	- Nhận biết và phân tích được quan điểm của người viết về lịch sử, văn hóa được thể hiện trong văn bản. - Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và kiến thức văn học để nhận xét, đánh giá, phê bình văn bản văn học, thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ của cá nhân về văn bản văn học. - Phân tích, đánh giá được khả năng tác động của văn bản đối với người đọc và tiến bộ xã hội. - Thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với những vấn đề được đặt ra trong văn bản - So sánh được điểm giống và khác nhau giữa các văn bản văn học; liên tưởng mở rộng vấn đề để hiểu sâu hơn về tác phẩm.

	2	Viết bài văn về một vấn đề xã hội liên quan đến tuổi trẻ (Cách ứng xử trong các mối quan hệ gia đình và xã hội)	- Xác định được yêu cầu về nội dung, hình thức của bài văn nghị luận - Nêu được vấn đề xã hội có liên quan đến tuổi trẻ - Xác định rõ mục đích, đối tượng, phạm vi, các thao tác nghị luận, các yếu tố của văn bản nghị luận (luận đề, luận điểm, luận cứ) - Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản nghị luận	- Phân tích, đánh giá và thể hiện quan điểm cá nhân về lí do và các phương diện liên quan đến tuổi trẻ của vấn đề nghị luận - Kết hợp lí lẽ và dẫn chứng để tạo mạch lập luận chặt chẽ, logi, mạch lạc - Cấu trúc chặt chẽ, rõ ràng - Sử dụng lí lẽ sắc bén; bằng chứng cụ thể tiêu biểu, thuyết phục, xác đáng đầy đủ - Sử dụng các thao tác lập luận - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp	- Đánh giá được ý nghĩa, ảnh hưởng của vấn đề đối với tuổi trẻ. - Nêu được những bài học, những kiến nghị đề xuất rút ra từ vấn đề nghị luận - Sử dụng kết hợp nhuần nhuyễn, sáng tạo các thao tác nghị luận, các yếu tố hỗ trợ (miêu tả, biểu cảm, tự sự, thuyết minh) để tăng tính thuyết phục và biểu cảm cho bài văn - Vận dụng hiệu quả kiến thức và kĩ năng thực hành tiếng Việt để viết bài - Vận dụng tốt kiến thức ở các lĩnh vực khác để viết bài - Có góc nhìn mới mẻ - Có cách diễn đạt độc đáo, sáng tạo
--	---	--	--	--	---

SỞ GD&ĐT TP. ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG THPT HÒA VANG
ĐỀ THAM KHẢO

KIỂM TRA GIỮA KÌ II, NĂM HỌC 2025-2026
Môn: Ngữ văn, Lớp 12
 Thời gian là bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề

Họ và tên học sinh:, Lớp:

Phần I. Đọc hiểu (6,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

TẢO GIẢI

(Giải đi sớm, trích Nhật kí trong tù – Hồ Chí Minh)

Phiên âm:

I

Nhất thứ kê đề dạ vị lan,
 Quần tinh ủng nguyệt thưởng thu san;
 Chinh nhân dĩ tại chinh đồ thượng,
 Nghênh diện thu phong trận trận hàn.

Dịch nghĩa:

I

Gà gáy một lần, đêm chưa tàn,
 Chòm sao nâng vầng trăng lên đỉnh núi mùa thu;
 Người đi xa đã cất bước trên đường xa,
 Gió thu táp mặt từng cơn từng cơn lạnh lẽo.

Dịch thơ:

I

Gà gáy một lần đêm chưa tan,
 Chòm sao nâng nguyệt vượt lên ngàn;
 Người đi cất bước trên đường thăm,
 Rát mặt, đêm thu, trận gió hàn.

II

Đông phương bạch sắc dĩ thành hồng,
 U ám tàn dư tảo nhất không;
 Noãn khí bao la toàn vũ trụ,
 Hành nhân thi hứng hốt gia nông!

II

Phương đông màu trắng chuyển thành hồng,
 Bóng đêm còn rơi rớt sớm đã hết sạch;
 Hơi ấm bao la khắp vũ trụ,
 Người đi thi hứng bỗng thêm nồng.

II

Phương đông màu trắng chuyển sang hồng,
 Bóng tối đêm tàn, quét sạch không;
 Hơi ấm bao la trùm vũ trụ,
 Người đi, thi hứng bỗng thêm nồng.

Câu 1 (0,75 điểm). Xác định cách gieo vần trong phần dịch thơ của bài thơ trên.

Câu 2 (0,75 điểm). Nêu sự vận động của yếu tố thời gian trong bài thơ.

Câu 3 (0,75 điểm). So sánh sự khác nhau giữa bản phiên âm và bản dịch thơ trong hai câu thơ sau:

*Chinh nhân dĩ tại chinh đồ thượng,
Nghênh diện thu phong trận trận hàn.*

Và:

*Người đi cất bước trên đường thăm,
Rất mặt, đêm thu, trận gió hàn.*

Câu 4 (1,0 điểm). Nêu mối tương quan giữa người chiến sĩ và nghệ sĩ qua câu thơ:

Chòm sao nâng nguyệt vượt lên ngàn.

Câu 5 (1,0 điểm). Nhận xét về tác dụng của nghệ thuật sử dụng những hình ảnh đối lập trong các câu thơ sau:

*Phương đông màu trắng chuyển sang hồng,
Bóng tối đêm tàn, quét sạch không;*

Câu 6 (0,75 điểm). Nhận xét về sự kết hợp giữa yếu tố cổ điển và hiện đại trong bài thơ.

Câu 7 (1,0 điểm). Viết một đoạn văn ngắn (khoảng 7-10 dòng) nêu suy nghĩ của anh /chị về giá trị “soi đường” trong tư tưởng của Hồ Chí Minh thể hiện qua bài thơ.

Phần II. Viết (4,0 điểm)

Có ý kiến cho rằng: “*Mọi sự thành bại trong đời không thể chỉ trông chờ và kêu cầu mà phải là sự nỗ lực của mỗi cá nhân. Chúng ta chỉ có thể quyết định cuộc đời mình bằng ý chí của bản thân chứ không thể gởi gắm số phận mình bằng các thế lực mơ hồ hay là u mê trước những câu phán về tương lai*”

Từ góc nhìn của người trẻ, Anh/Chị viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bày tỏ quan điểm của mình về ý kiến trên.

----- HẾT -----

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6.0
	1	Hướng dẫn chấm: - Gieo vần chân: <i>tan, ngàn, hàn</i> (khổ 1); <i>hồng, không, nồng</i> (khổ 2) Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 0.75 điểm - Học sinh trả lời 1/2 ý trong đáp án: 0.5 điểm - Nếu học sinh chỉ nêu cách gieo vần mà không gọi tên được (vần chân): 0,5 điểm - Học sinh không trả lời không như đáp án: không cho điểm	0.75
	2	Thời gian vận động từ đêm (gà gáy một lần) đến rạng sáng lúc mặt trời dần mọc (màu hồng của ánh mặt trời) Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 0.75 điểm - Học sinh trả lời không đúng: không cho điểm	0.75
	3	Sự khác nhau: - Phiên âm: Tư thế người tù bình tĩnh ung dung, chủ động - Dịch thơ: Tư thế người tù bị động, đáng thương... Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 1,0 điểm - Học sinh trả lời 1/2 ý trong đáp án hoặc ghi lại ngữ liệu đúng trong đáp án: 0.5 điểm	1,0

		- Học sinh trả lời không đúng: không cho điểm	
	4	- Chỉ ra: + Người chiến sĩ: bị gông cùm tù đầy, bị chuyển lao giữa đêm vắng lạnh + Người nghệ sỹ: thả hồn ngắm vẻ đẹp của trời đêm. - Mỗi quan hệ: giao hoà, tương quan giữa tâm hồn lãng mạn của nghệ sỹ và phong thái ung dung bản lĩnh của người chiến sỹ. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 1,0 điểm - Học sinh trả lời 1 ý trong dấu gạch ngang của đáp án: 0.5 điểm - Học sinh trả lời không đúng: không cho điểm	1,0
	5	- Hình ảnh đối lập: - Màu trắng >< màu hồng - Bóng đêm dày đặc >< hết sạch - Tác dụng: + Làm nổi bật sự đối lập giữa thực tại gian lao vất vả và tâm hồn lạc quan, luôn hướng về ánh sáng + Biểu hiện quan điểm thơ ca Hồ Chí Minh Hướng dẫn chấm: - Học sinh nêu được hình ảnh đối lập: 0.5 điểm - Học sinh trả lời tác dụng mỗi ý nhỏ trong phần tác dụng : 0.25 điểm (nếu hs trả lời: làm cho câu thơ giàu hình ảnh, gợi cảm...: 0.25 điểm) - Học sinh trả lời sai: không cho điểm.	1.0
	6	- Yếu tố cổ điển: Thể thơ thất ngôn, sáng tác bằng chữ Hán, hình ảnh quen thuộc của thơ ca cổ điển: trăng, sao, vũ trụ, chinh nhân... - Yếu tố hiện đại: tinh thần thép của người tù Cách mạng Hồ Chí Minh - Nhận xét: Sự kết hợp giữa yếu tố cổ điển và hiện đại tạo nên phong cách nghệ thuật thơ Hồ chí Minh. Hướng dẫn chấm: - Học sinh nêu được 1 ý: 0.25 điểm - Học sinh nhận xét được: 0,25 điểm - Học sinh trả lời sai: không cho điểm	1,0
	7	- Đảm bảo cấu trúc đoạn văn. - Học sinh có cách diễn đạt khác nhau nhưng cần phải đảm bảo ý như sau: Bài thơ có giá trị “soi đường” cho mỗi người trong hành trình bước trên con đường đời đầy gian lao thử thách: muốn có được sự thành công, phải luôn bản lĩnh, kiên cường và giữ vững niềm tin, niềm lạc quan...	1,0
II		VIẾT	4.0
		a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận	0.25
		b. Xác định đúng yêu cầu của đề: Sự thành bại trong cuộc đời mỗi người do chính mình (kiểu bài nghị luận về vấn đề tuổi trẻ trong mối quan hệ với gia đình và xã hội)	0.25
		*Giải thích: Ý kiến nhấn mạnh đến sự tự cường, sự nỗ lực và ý chí của bản thân trong cuộc đời của mỗi người để tạo nên sự thành công. *Phân tích/ bàn luận: - Lí giải: Vì sao cần phải tự chủ, tự cường, tự nỗ lực và dựa vào ý chí của bản thân mới có sự thành công? - Vai trò, ý nghĩa của sự tự chủ, tự cường đối với mỗi cá nhân và toàn xã hội. - Phê phán những người ý lại, dựa dẫm - Mở rộng vấn đề (sự tự chủ cũng ko đồng nghĩa với bảo thủ, ảo tưởng sức mạnh mà cần có sự hài hoà, linh hoạt) - Nêu và phản bác ý kiến trái chiều.	2.5

	- Nêu bài học nhận thức và hành động. Hướng dẫn chấm: (Nếu HS chỉ bàn về sự nỗ lực hoặc ý chí: tối đa phần này 1,25 điểm)	
	d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Lưu ý: Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.	0.5
	e. Sáng tạo: HS biết tạo lập văn bản nghị luận, huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân khi bàn luận; có cái nhìn riêng, mới mẻ về vấn đề nghị luận; văn giàu sức thuyết phục.... Hướng dẫn chấm: - Đáp ứng được 2 yêu cầu: 0,5 điểm - Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm	0.5
Tổng điểm		10.0